TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 18 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Cà Văn D sinh năm 1987, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản NB, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La và chị Tòng Thị D sinh năm 1992, nơi ĐKHKTT: Bản NB, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Bản O, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Cà Văn D và chị Tòng Thị D kết hôn với nhau từ năm 2011. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 04/3/2011 và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh D và chị D chung sống hạnh phúc được bảy năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh chị thiếu sự tin tưởng với nhau dẫn đến vợ chồng có cãi cọ. Nhiều lần anh D đi uống rượu về, vợ chồng có xích mích, anh D có lần đã đánh chị D. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải cho nhiều lần nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Từ khi hai anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh D và chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên

căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D và chị D.

[2] Anh D, chị D có 02 con chung là cháu Cà Thị Minh Ng sinh ngày 19/11/2010 và cháu Cà Đức K sinh ngày 23/8/2012. Anh D, chị D thống nhất giao cháu Cà Thị Minh Ng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Cà Đức K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh D, chị D không có nợ chung.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh Doan nhận chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn D và chị Tòng Thị D nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh D, chị D có 02 con chung là cháu Cà Thị Minh Ng sinh ngày 19/11/2010và cháu Cà Đức K sinh ngày 23/8/2012. Giao cháu Cà Thị Minh Ng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Cà Đức K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh D, chị D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D, chị D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh D, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh D nhận chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004198 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã MB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh